

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-01-2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hà Công Thắng;

- Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2022/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2022/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị V, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Y; “Vắng mặt- có đơn xin vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Lò Văn C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Y; “Vắng mặt không có lý do”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lò Thị V trong đơn khởi kiện và bản tự khai trình bày: Chị và anh Lò Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/12/2014 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Y. Trong quá trình chung sống chị V và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C rượu chè, cờ bạc, sử dụng chất ma túy, anh C nhiều lần chửi mắng vợ con, không quan tâm đến gia đình. Chị V và anh C sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay. Chị V xác định không còn tình cảm với anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị V và Anh C có một con chung là Lò Như K, sinh ngày 10/10/2015. Ly hôn chị V nhận nuôi con chung Lò Như K, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lò Văn C không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2022 Trưởng Thôn T, xã N cho biết: Anh C và chị V có đăng ký kết hôn năm 2014, Trong cuộc sống anh C nghiện chất ma túy, gia đình phải hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả chị V và anh C sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Chị V và anh C có 01 con chung là Lò Như K, sinh ngày 10/10/2015 hiện nay đang ở cùng chị V, nếu vợ chồng anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết về con theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2022 Phó Trưởng công an xã N cho biết: Anh C có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã N, huyện V, không đăng ký tạm trú ở nơi nào khác. Năm 2020 anh C đã bị lập hồ sơ quản lý giáo dục tại xã vì sử dụng trái phép chất ma túy.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn được Tòa án tổng đạt các văn bản và triệu tập công khai chứng cứ, hòa giải hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị và anh Lò Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/12/2014 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Y. Trong quá trình chung sống chị V và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C rượu chè, cờ bạc, sử dụng chất ma túy, anh C nhiều lần chửi mắng vợ con, không quan tâm đến gia đình. vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V ly hôn với anh C.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Đề nghị Hội đồng xét xử

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị V đối với anh Lò Văn C.

+ Về con chung: Chị Lò Thị V có nguyện Vọng nuôi con chung Lò Như K sinh ngày 10/10/2015, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên giao con chung là Lò Như K cho chị V nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lò Văn C có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện V, tỉnh Y, vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Y thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Lò Văn C vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Lò Thị V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị V và anh C.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lò Thị V và anh Lò Văn C kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị V và anh C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C sử dụng chất ma túy, nhiều lần mâu thuẫn cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị V và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị V phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị V và anh C có 01 con chung là Lò Như K, sinh ngày 10/10/2015. Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh Lò Văn C cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của con Lò Như K xin được ở cùng mẹ là Lò Thị V.

Qua xác minh tại địa phương chị V, anh C đều là lao động có thu nhập, có điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy, các con chung hiện còn nhỏ, anh C là người sử dụng trái phép chất ma túy, không có mặt tại tòa án là từ bỏ quyền và nghĩa

vụ của mình. Để đảm bảo việc chăm lo, giáo dục con trẻ phát lành mạnh về thể chất, trí tuệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người phụ nữ và con chưa thành niên, cần giao cả hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lò Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị V được trực tiếp nuôi con chung là Lò Như K, sinh ngày 10/10/2015. Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0002717 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Y, chị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị V và anh Lò Văn C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Y;
- VKSND huyện V;
- CC.THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Long